

Số: 215 /TB-QBVR

Điện Biên, ngày 05 tháng 6 năm 2020

THÔNG BÁO

Thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2019 cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Chà

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 29/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc phê duyệt Kế hoạch thu, chi và dự toán chi phí quản lý năm 2019 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc điều tiết tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2019 đối với số tiền chưa xác định được đối tượng nhận tiền dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông báo số 207/TB-QBVR ngày 04/6/2020 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Thông báo tiền chi trả bình quân 01 ha rừng đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng thuộc lưu vực nội tỉnh năm 2019 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Thông báo số 208/TB-QBVR ngày 04/6/2020 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Thông báo tiền chi trả bình quân 01 ha rừng đủ điều kiện cung ứng dịch vụ môi trường rừng lưu vực Sông Đà, Sông Mã năm 2019 trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 276/CCKL-QLBVR ngày 03/4/2020 của Chi cục Kiểm lâm về việc xác nhận diện tích rừng chi trả dịch vụ môi trường rừng là các Ban Quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ;

Trên cơ sở biểu tổng hợp diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2019 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, có xác nhận của Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà và UBND các xã, thị trấn.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thông báo thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2019 cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Chà, cụ thể như sau:

1. Thời gian thanh toán

Quỹ tỉnh chuyển tiền thanh toán DVMTR năm 2019 qua tài khoản ngân hàng cho các chủ rừng, thời gian chuyển tiền trong tháng 6 năm 2020.

2. Diện tích rừng được chi trả:

- Lưu vực Sông Đà: 40.748,158 ha.
- Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm Múc: 17.515,130 ha
- Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm He: 7.124,526 ha

- Lưu vực nhà máy nước thị trấn: 81,000 ha

3. Tổng số tiền phải thanh toán: 20.727.091.565 đồng, trong đó:

- Lưu vực Sông Đà: 16.159.683.694 đồng

+ Số tiền đủ điều kiện thanh toán: 15.634.430.091 đồng

+ Số tiền chưa đủ điều kiện thanh toán: 525.253.603 đồng

- Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm Mực: 2.880.065.368 đồng

+ Số tiền đủ điều kiện thanh toán: 2.817.275.476 đồng

+ Số tiền chưa đủ điều kiện thanh toán: 62.789.892 đồng

- Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm He: 1.678.281.843 đồng

+ Số tiền đủ điều kiện thanh toán: 1.674.387.970 đồng

+ Số tiền chưa đủ điều kiện thanh toán: 3.893.873 đồng

- Lưu vực nhà máy nước thị trấn Mường Chà: 9.060.660 đồng

(Có biểu chi tiết kèm theo)

4. Kiến nghị

- Đề nghị UBND các xã, thị trấn:

+ Niêm yết công khai, thông báo đến các chủ rừng biểu thông báo thanh toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2019 tại UBND xã, thị trấn;

+ Thông báo tới các chủ rừng nhận tiền DVMTR khi ngân hàng có thông báo chi trả trong ngày giao dịch tại UBND xã, thị trấn;

- Chủ rừng là tổ chức căn cứ vào số tiền trong bảng thông báo xây dựng giấy đề nghị chuyển tiền gửi Quỹ tỉnh.

- Đề nghị phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện thông báo kế hoạch chi trả tiền DVMTR cho các chủ rừng trên địa bàn các xã, thị trấn;

- Đề nghị các chủ rừng nhận tiền DVMTR tại UBND xã, thị trấn trong ngày giao dịch của Ngân hàng chính sách xã hội, nhận tiền khi ngân hàng có thông báo chi trả.

Trên đây là Thông báo thanh toán tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2019 cho các chủ rừng trên địa bàn huyện Mường Chà. Đề nghị các chủ rừng và các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động thực hiện./. *18/6/20*

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Chi cục Kiểm lâm;
- UBND huyện Mường Chà;
- Hạt Kiểm lâm huyện Mường Chà (phối hợp);
- Phòng giao dịch NHCSXH huyện (phối hợp);
- UBND các xã, thị trấn huyện Mường Chà;
- Ban QLRPH huyện Mường Chà;
- Lưu: VT, KH-KT. *fan*

(B/c)

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số 215 /TB-QBVR ngày 05/06/2020 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên huyện: huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Số tiền chi trả cho 01ha rừng (đồng/ha)	Tổng số tiền được chi trả năm 2018 (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6 = 4*5]
I	Lưu vực Sông Đà	3.024,66	3.021,912		2.350.672.819
1	Xã Mường Mươn	152,25	152,250	777.876	118.431.621
2	Xã Na Sang	171,90	171,900	777.876	133.716.884
3	Thị trấn Mường Chà	114,42	114,420	777.876	89.004.572
4	Xã Ma Thì Hồ	424,74	424,397	777.876	330.128.241
5	Xã Sa Lông	509,81	508,329	777.876	395.416.929
6	Xã Huổi Lèng	400,71	400,680	777.876	311.679.356
7	Xã Mường Tùng	446,95	446,950	777.876	347.671.678
8	Xã Sá Tổng	241,79	240,896	777.876	187.387.217
9	Xã Pa Ham	8,11	8,110	777.876	6.308.574
10	Xã Nậm Nèn	97,75	97,750	777.876	76.037.379
11	Xã Huổi Mí	101,44	101,440	777.876	78.907.741
12	Xã Hừa Ngải	354,79	354,790	777.876	275.982.626
II	Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm Múc	1.444,18	1.443,837		134.721.543
1	Xã Mường Mươn	152,25	152,250	93.308	14.206.143
2	Xã Na Sang	171,90	171,900	93.308	16.039.645
3	Thị trấn Mường Chà	114,42	114,420	93.308	10.676.301
4	Xã Ma Thì Hồ	417,63	417,287	93.308	38.936.215



Handwritten signature

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Số tiền chi trả cho 01ha rừng (đồng/ha)	Tổng số tiền được chi trả năm 2018 (đồng)
5	Xã Sa Lông	458,15	458,150	93.308	42.749.060
6	Xã Huổi Mí	92,70	92,700	93.308	8.649.652
7	Xã Nậm Nền	37,13	37,130	93.308	3.464.526
III	Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm He	343,42	343,42		46.590.417,72
1	Xã Huổi Lèng	49,18	49,180	135.666	6.672.054
2	Xã Ma Thi Hồ	8,94	8,940	135.666	1.212.854
3	Xã Mường Tùng	285,30	285,300	135.666	38.705.510

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ NĂM 2019

(Kèm theo Thông báo số 215 /TB-QBVR ngày 05 /06/2020 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Điện Biên)

1. Tên huyện: huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên

2. Nội dung chi tiết

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Số tiền chi trả cho 01ha rừng (đồng/ha)	Tổng số tiền được chi trả năm 2019 (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn lại được thanh toán (đồng)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6 = 4*5]	[7]	[8=6-7]
I	Lưu vực Sông Đà	40.802,95	40.748,158		27.518.249.788	11.358.566.094	16.159.683.694
1	Xã Mường Mươn	4.325,22	4.323,234	675,325	2.919.588.001	1.256.836.200	1.662.751.801
2	Xã Na Sang	2.819,38	2.819,380	675,325	1.903.997.799	809.178.000	1.094.819.799
3	Thị trấn Mường Chà	868,83	868,693	675,325	586.650.100	226.353.900	360.296.200
4	Xã Ma Thi Hồ	2.681,07	2.675,991	675,325	1.807.163.609	682.810.194	1.124.353.415
5	Xã Sa Lông	2.565,01	2.553,943	675,325	1.724.741.556	616.499.100	1.108.242.456
6	Xã Huổi Lèng	4.175,38	4.174,683	675,325	2.819.267.797	1.133.481.300	1.685.786.497
7	Xã Mường Tùng	4.799,92	4.793,429	675,325	3.237.122.439	1.321.757.700	1.915.364.739
8	Xã Sá Tổng	2.611,26	2.600,448	675,325	1.756.147.546	710.280.600	1.045.866.946
9	Xã Pa Ham	948,68	946,209	675,325	638.998.593	282.746.700	356.251.893
10	Xã Nậm Nèn	1.290,17	1.286,609	675,325	868.879.223	359.330.700	509.548.523
11	Xã Huổi Mí	5.647,18	5.647,180	675,325	3.813.681.834	1.671.942.000	2.141.739.834
12	Xã Hừa Ngải	4.819,94	4.819,036	675,325	3.254.415.487	1.343.305.800	1.911.109.687
13	Ban QLRRPH huyện Mường Chà	3.250,92	3.239,323	675,325	2.187.595.805	944.043.900	1.243.551.905
II	Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm Mực	17.531,70	17.515,130		2.880.065.368		2.880.065.368
1	Xã Mường Mươn	4.325,22	4.323,234	164,433	710.882.336		710.882.336
2	Xã Na Sang	2.819,38	2.819,380	164,433	463.599.112		463.599.112
3	Thị trấn Mường Chà	868,83	868,693	164,433	142.841.796		142.841.796
4	Xã Ma Thi Hồ	2.437,10	2.432,028	164,433	399.905.657		399.905.657
5	Xã Sa Lông	1.963,76	1.954,385	164,433	321.365.389		321.365.389
6	Xã Huổi Mí	5.045,95	5.045,950	164,433	829.720.696		829.720.696
7	Xã Nậm Nèn	71,46	71,460	164,433	11.750.382		11.750.382

4/6/20

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng (ha)	Diện tích được chi trả DVMTR (ha)	Số tiền chi trả cho 01ha rừng (đồng/ha)	Tổng số tiền được chi trả năm 2019 (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn lại được thanh toán (đồng)
III	Lưu vực nhà máy thủy điện Nậm He	7.124,53	7.124,526		1.678.281.843		1.678.281.843
1	Xã Huổi Lèng	539,81	539,810	235.564	127.159.803		127.159.803
2	Xã Ma Thì Hồ	245,44	245,440	235.564	57.816.828		57.816.828
3	Xã Mường Tùng	3.424,24	3.424,236	235.564	806.626.729		806.626.729
4	Ban QLRRPH huyện Mường Chà	2.915,04	2.915,040	235.564	686.678.483		686.678.483
IV	Lưu vực nhà máy nước thị trấn	81,00	81,000		9.060.660		9.060.660
1	Thị trấn Mường Chà	81,00	81,000	111.860	9.060.660		9.060.660
Tổng cộng					32.085.657.659	11.358.566.094	20.727.091.565

GIÁM ĐỐC



Đặng Thị Thu Hiền